

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2020/DS-PT
Ngày 06- 5 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Huỳnh Văn Út
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Như Nguyễn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 02 và ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 219/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quan N, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Địa chỉ: khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông N: Ông Hồng Ngọc A, sinh năm 1952; địa chỉ: khóm 5, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1978 (Có mặt).
Địa chỉ: đường Trần H, khóm 8, phường 5, thành phố C., tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Tống Ngọc P, sinh năm 1977 (Có mặt).
Địa chỉ: đường Trần H, khóm 8, phường 5, thành phố C., tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Anh Trần Quan N, là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Hồng Ngọc A người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông N trình bày:

Ngày 23/01/2018 dương lịch, nhằm ngày 07/12/2017 (Biên nhận ghi nhằm ngày 07/12/2018) âm lịch, anh Trần Quan N có cho bà Nguyễn Thị U vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, hình thức thanh toán trả góp hằng ngày, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng (trong đó vốn 2.500.000 đồng, lãi 500.000 đồng), thời gian góp là 120 ngày, kể từ ngày 24/01/2018. Từ khi vay đến nay bà U chưa thanh toán trả góp cho anh N ngày nào.

Do đó, anh Trần Quan N yêu cầu bà U và ông Tống Ngọc P trả cho anh N số tiền vốn vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và tiền lãi thời gian 22 tháng, tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 24/11/2019 số tiền bằng 109.560.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 409.560.000 đồng.

- Theo bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà U thừa nhận có vay tiền của anh N như đại diện của anh N trình bày. Nhưng bà U cho rằng đã thanh toán góp cho anh N được 80 ngày, số tiền bằng 240.000.000 đồng. Bà U không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh N, chỉ đồng ý thanh toán cho anh N số tiền còn thiếu là 60.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo quy định pháp luật; đồng thời bà U yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và đối trừ vào số tiền bà đã thanh toán cho anh N.

- Theo ông Tống Ngọc P trình bày:

Ông P thống nhất với kiến trình bày và yêu cầu của bà U. Ông P đồng ý cùng bà U có trách nhiệm thanh toán nợ cho anh N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:219/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quan N. Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Tống Ngọc P trả cho anh Trần Quan N tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là 39.840.000 đồng. Tổng hai khoản là 159.840.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quan N về việc buộc bà Nguyễn Thị U và ông Tống Ngọc P trả cho anh Trần Quan N số tiền 249.720.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc điều chỉnh lãi suất và đối trừ số tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/11/2019, anh Trần Quan N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị U, ông Tống Ngọc P trả cho anh số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi 110.220.000 đồng. Đến ngày 12/02/2020, anh N có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu buộc bà U và ông P trả số tiền vốn 300.000.000 đồng và lãi suất 108.216.000 đồng, tổng cộng bằng 408.216.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồng Ngọc A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh Trần Quan N.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Hồng Ngọc A phát biểu: Việc bà U vay của anh N số tiền 300.000.000 đồng có làm biên nhận. Bà U cho rằng đã trả cho anh N được 80 ngày góp nhưng không có giấy tờ gì chứng minh và anh N cũng không thừa nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N.

Bà U, ông P không phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Trần Quan N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh Trần Quan N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc bà Nguyễn Thị U vay tiền của anh Trần Quan N là có thực tế, được bà U thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự trình bày thống nhất với nhau: Vào ngày 23/01/2018 dương lịch (nhằm ngày 07/12/2017 âm lịch) bà U có vay của anh N số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, hình thức thanh toán trả góp hằng ngày, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng (vốn 2.500.000 đồng, lãi 500.000 đồng), thời gian góp 120 ngày, kể từ ngày 24/01/2018. Nhưng các bên trình bày không thống nhất với nhau về việc thanh toán.

[2] Anh N cho rằng từ ngày vay đến nay bà U chưa thanh toán tiền góp cho anh N ngày nào. Bà U cho rằng đã thanh toán cho anh N được 80 ngày bằng 240.000.000 đồng. Việc bà U cho rằng đã thanh toán cho anh N được 80 ngày anh N hoàn toàn không thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm bà U cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán tiền cho anh N.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bà U cung cấp giấy tờ mà bà cho rằng theo dõi việc thanh toán tiền cho anh N, nhưng giấy tờ này do bà tự ghi chép không có anh N ký xác nhận; đồng thời nội dung cũng không thể hiện được việc bà đã thanh toán 80 ngày như bà trình bày. Ngoài ra, bà U còn cho rằng có ông Trần Văn Minh, Ngô Minh Dương, Ngô Vũ Em, ông Sua, ông Nhân biết anh N thường xuyên đến quán của bà uống cà phê và thu tiền góp; bà Nguyễn Thị Lén là người làm thuê cho gia đình bà biết việc bà trả tiền góp cho anh N. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh đối với ông Nhân thì ông Nhân trình bày hàng ngày thường uống cà phê quán bà U, có gặp anh N uống chung, còn việc vay tiền giữa anh N với bà U ông không biết; đối với ông Minh, ông Dương, Vũ Em, bà Lén, Tòa án không làm việc được do những người này không có mặt ở địa phương. Riêng bà Nguyễn Thị Tích là người làm thuê cho bà U trình bày có đưa tiền góp cho anh N dùm bà U rất nhiều lần nhưng không nhớ bao nhiêu lần và thời gian nào. Xét lời trình bày của bà Tích là không phù hợp với lời trình bày của bà U tại phiên tòa sơ thẩm, vì tại phiên tòa

sơ thẩm bà U trình bày việc trả tiền cho anh N có khi bà trả, có khi ông P trả (không thể hiện có đưa tiền cho bà Tích trả dùm), nên lời trình bày của bà Tích là không có cơ sở thuyết phục. Do đó, việc bà U cho rằng đã thanh toán cho anh N được 80 ngày góp bằng 240.000.000 đồng là không có cơ sở. Xét lời trình bày của anh N cho rằng bà U chưa thanh toán cho ông tiền góp ngày nào là có căn cứ, được chấp nhận. Việc án sơ thẩm nhận định “bị đơn làm nghề kinh doanh mua bán, nếu nguyên đơn đến nơi kinh doanh của bị đơn để yêu cầu trả tiền mà bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ số tiền nào thì giữa nguyên đơn và bị đơn có khả năng dẫn đến cự cãi, gây ồn ào tại nơi buôn bán của bị đơn, bị đơn sẽ mất uy tín, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của bị đơn. Mặt khác, theo lẽ thông thường, khi vay tiền góp thì người vay có viết Biên nhận nhận tiền, nhưng khi người cho vay đi thu tiền góp hằng ngày thì họ không có viết biên nhận lại cho người vay tiền ... Mặc dù không có chứng cứ thể hiện số tiền nguyên đơn đã nhận của bị đơn, nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lẽ công bằng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn cho rằng thời gian góp 120 ngày, bị đơn chưa góp ngày nào còn bị đơn cho rằng đã góp được 80 ngày. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận số tiền bị đơn góp cho nguyên đơn là một nửa bằng 60 ngày, nhằm đảm bảo tính công bằng và quyền lợi ngang nhau của hai bên”, là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N. Do đó, cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N là phù hợp.

[4] Do đó, xét yêu cầu của anh N yêu cầu bà Nguyễn Thị U cùng chồng là ông Tống Ngọc P trả cho anh N tổng số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật, mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian 22 tháng tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 24/11/2019 bằng số tiền 109.560.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 409.560.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo của anh N chỉ yêu cầu bà U và ông P trả số tiền lãi là 108.216.000 đồng; tổng cộng vốn, lãi bằng 408.216.000 đồng, nên buộc bà U và ông P trả cho anh N tổng số tiền vốn, lãi bằng 408.216.000 đồng là phù hợp.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm bà U và ông P phải chịu theo quy định. Án phí dân sự phúc thẩm anh N không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Quan N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 219/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quan N.

Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Tống Ngọc P trả cho anh Trần Quan N tổng số tiền vốn, lãi là 408.216.000 đồng.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà U và ông P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U và ông Tống Ngọc P phải chịu số tiền 20.382.400 đồng. Ngày 15/11/2019, bà U đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000977 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ bà U và ông P còn phải nộp tiếp số tiền 20.082.400 đồng.

Anh Trần Quan N không phải chịu án phí. Anh N đã dự nộp 10.305.000 đồng theo Biên lai thu số 0000939 ngày 22/10/2019 và 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000971 ngày 13/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm anh N không phải chịu. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000994 ngày 28/11/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập